

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH SÀI GÒN NINH CHỮ

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA CƠ SỞ KHÁCH SẠN SÀI GÒN NINH CHỮ
Địa điểm: Thị trấn Khánh Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

CHỦ CƠ SỞ
CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH
SÀI GÒN NINH CHỮ
TỔNG GIÁM ĐỐC



Phan Thanh Cường

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Lê Thị Viên Đan

Ninh Thuận, năm 2024

MỤC LỤC

MỤC LỤC	1
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT	3
DANH MỤC CÁC BẢNG	4
DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ	5
Chương I THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	6
1. Tên chủ cơ sở:.....	6
2. Tên cơ sở:	6
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở :.....	9
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:	15
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở:.....	18
Chương II SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	19
2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:	19
2.2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường:	19
Chương III KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	21
3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:	21
3.2. Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải:	30
3.3. Công trình, biện pháp lưu trữ, xử lý chất thải thông thường:.....	30
3.4. Công trình, biện pháp lưu trữ, xử lý chất thải nguy hại:	32
3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:	33
3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở:.....	33
3.7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định bản Đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường:.....	35
CHƯƠNG IV NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	37
4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải sinh hoạt:.....	37
CHƯƠNG V KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	39
CHƯƠNG VI CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	41
6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cơ sở:	41
6.2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định pháp luật:	42

CHƯƠNG VII KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ	43
CHƯƠNG VIII CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	45

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BOD	: Nhu cầu ôxi sinh hóa.
BTNMT	: Bộ Tài nguyên và Môi trường.
BTCT	: Bê tông cốt thép
COD	: Nhu cầu ôxi hóa học.
CTNH	: Chất thải nguy hại.
GCN	: Giấy chứng nhận
GPXD	: Giấy phép xây dựng.
HTXLNT	: Hệ thống xử lý nước thải.
HĐQT	: Hội đồng quản trị
HĐKT	: Hợp đồng kinh tế
NT	: Nước thải.
NĐ-CP	: Nghị định - chính phủ.
PCCC	: Phòng cháy chữa cháy.
PXN	: Phiếu xác nhận
QĐ	: Quyết định.
QCVN	: Quy chuẩn Việt Nam.
STNMT	: Sở Tài nguyên và Môi trường
TT	: Thông tư.
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn.
UBND	: Ủy ban nhân dân.

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1-1: Tọa độ các điểm mốc ranh giới khu vực cơ sở.....	6
Bảng 1-2: Các hạng mục công trình chính	11
Bảng 1-3: Các hạng mục công trình phụ trợ.	12
Bảng 1-4: Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường.	13
Bảng 1-5: Thống kê lượng nước tiêu thụ thực tế tại cơ sở từ tháng 01/2023 – tháng 7/2024.	15
Bảng 1-6: Phân tích khối lượng nước sử dụng cho các hoạt động theo hóa đơn sử dụng nước	16
Bảng 1-7: Các thiết bị chính của cơ sở.....	17
Bảng 1-8: Nhu cầu nguyên nhiên liệu, hóa chất sử dụng tại cơ sở	18
Bảng 3.1: Thông số kỹ thuật hệ thống xử lý nước thải tập trung 100 m ³ /ngày đêm....	26
Bảng 3.2: Máy móc, thiết bị của HTXLNT 100 m ³ /ngày	26
Bảng 3.3: Hệ thống lọc nước hồ bơi.....	30
Bảng 3-4: Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở	32
Bảng 3-5: Các nội dung thay đổi so với bản Đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường.	36
Bảng 4-1 : Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn	37

DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ

Hình 1-1: Vị trí cơ sở và các đối tượng xung quanh dự án.	7
Hình 1-2: Quy trình hoạt động của dự án.....	11
Hình 3-1: Sơ đồ thu gom nước mưa.	21
Hình 3-2: Sơ đồ thu gom và thoát nước thải sinh hoạt.....	22
Hình 3-3: Cấu tạo bể tự hoại 4 ngăn 35,5 m ³	23
Hình 3-4: Sơ đồ quy trình công nghệ của hệ thống xử lý nước thải tập trung.....	24
Hình 3-5: Hệ thống xử lý nước thải.....	28
Hình 3-6: Thùng rác lưu trữ chất thải rắn sinh hoạt.	28
Hình 3-7: Quy trình xử lý nước hồ bơi.....	29
Hình 3-8: Sơ đồ thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt.	31
Hình 3-9: Kho lưu trữ chất thải nguy hại	33
Hình 5-1: Vị trí lấy mẫu nước thải của cơ sở.	40

Chương I

THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở:

- Tên chủ cơ sở: Công ty Cổ phần du lịch Sài Gòn Ninh Chữ.
- Địa chỉ văn phòng: Số 19 đường An Dương Vương, thị trấn Khánh Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: Ông Phan Thanh Cường.
Chức vụ: Tổng Giám đốc.
- Điện thoại: 0259 3876000; E-mail:sales@saigonnhinchuhotel.com.vn.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 4500197295 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận đăng ký lần đầu ngày 24/01/2000, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 27/05/2021.

2. Tên cơ sở: Khách sạn Sài Gòn Ninh Chữ.

2.1. Địa điểm cơ sở: Số 19 đường An Dương Vương, thị trấn Khánh Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

Tổng diện tích đất sử dụng 64.754,9 m² thuộc thửa đất số 2, tờ bản đồ số 19-5 (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 364994 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 20/4/2020).

Các phía tiếp giáp với cơ sở như sau:

- Phía Bắc: Giáp với đường An Dương Vương;
- Phía Nam: Giáp với biển Ninh Chữ;
- Phía Đông: Giáp với khu dân cư;
- Phía Tây: Giáp với công viên biển Ninh Chữ.

Giới hạn ranh giới khu vực cơ sở:

Bảng 1-1: Tọa độ các điểm mốc ranh giới khu vực cơ sở

Mốc tọa độ	Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 108°15', múi chiếu 3°		Mốc tọa độ	Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 108°15', múi chiếu 3°	
	X (m)	Y (m)		X (m)	Y(m)
1	1281843,15	585452,32	13	1281834,87	585905,29
2	1281871,81	585497,77	14	1281746,65	585929,09
3	1281872,69	585501,45	15	1281722,59	585847,53
4	1281836,72	585851,71	16	1281689,01	585626,68

5	1281850,08	585853,07	17	1281686,38	585627,28
6	1281848,74	585856,19	18	1281663,71	585566,33
7	1281844,32	585855,15	19	1281681,30	585553,53
8	1281832,95	585854,05	20	1281674,75	585538,82
9	1281832,55	585857,68	21	1281719,11	585511,87
10	1281840,95	585858,64	22	1281792,11	585465,51
11	1281846,71	585866,34	23	1281819,45	585448,22
12	1281841,26	585898,18	24	1281828,16	585461,88



Hình 1-1: Vị trí cơ sở và các đối tượng xung quanh dự án.

2.2. Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt cơ sở:

- Quyết định số 131/HĐQT-QĐ ngày 03/01/2003 của Công ty Cổ phần du lịch Sài Gòn – Ninh Chữ về phê duyệt dự án đầu tư công trình Khu du lịch Sài Gòn – Ninh Chữ, thị trấn Khánh Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

- Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 33/GCN-KT ngày 15/7/2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận cấp cho Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn Ninh Chữ.

- Giấy phép xây dựng số 21/GPXD ngày 03/6/2005 do Sở Xây dựng cấp cho Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn Ninh Chữ được phép xây dựng công trình khách sạn (khối ngủ A3).

- Giấy phép xây dựng số 27/GPXD ngày 11/7/2005 do Sở Xây dựng cấp cho Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn Ninh Chữ được phép xây dựng công trình Khối nhà đón tiếp (A1)..

- Giấy phép xây dựng số 28/GPXD ngày 11/7/2005 do Sở Xây dựng cấp cho Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn Ninh Chữ được phép xây dựng công trình Khối nhà hội nghị (A2).

- Giấy phép xây dựng số 33/GPXD ngày 04/8/2005 do Sở Xây dựng cấp cho Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn Ninh Chữ được phép xây dựng công trình Khối dịch vụ & giải trí (A4).

- Giấy phép xây dựng số 34/GPXD ngày 04/8/2005 do Sở Xây dựng cấp cho Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn Ninh Chữ được phép xây dựng công trình Khối nhà hàng (A5).

- Giấy phép xây dựng số 35/GPXD ngày 04/8/2005 do Sở Xây dựng cấp cho Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn Ninh Chữ được phép xây dựng công trình Khối Terrace & Hồ bơi (A6).

- Giấy phép xây dựng số 13/GPXD ngày 06/02/2018 do Sở Xây dựng cấp cho Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn Ninh Chữ được phép xây dựng công trình Nhà hàng tiệc cưới – Hội nghị.

- Giấy phép xây dựng số 05/GPXD ngày 29/01/2019 do Sở Xây dựng cấp cho Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn Ninh Chữ được phép xây dựng công trình: Xây mới Cafeteria ven biển; Cải tạo 03 phòng ngủ nhà A3; Cải tạo 09 phòng ngủ nhà A9; Mở rộng 10 phòng ngủ nhà A4; Lắp đặt thang máy nhà A4.

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy số 141/TD-PCCC ngày 11/4/2005 của Công an tỉnh Ninh Thuận.

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy số 448/TD-PCCC ngày 28/4/2005 của Công an tỉnh Ninh Thuận.

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy số 466/TD-PCCC ngày 16/6/2005 của Công an tỉnh Ninh Thuận.

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy số 468/TD-PCCC ngày 18/6/2005 của Công an tỉnh Ninh Thuận.

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện về phòng cháy và chữa cháy số 40/ĐK-PCCC (PC66) ngày 22/6/2011 của Công an tỉnh Ninh Thuận.

- Giấy phép số 03/GP-UBND ngày 18/01/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận cho phép Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn Ninh Chữ khai thác nước dưới đất.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 354994 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 20/4/2020 .

2.3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ sở:

Phiếu xác nhận số 44/PXN-STNMT ngày 07/8/2006 của Sở Tài nguyên và Môi trường về xác nhận nội dung Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường đối với dự án xây dựng Khách sạn Sài Gòn - Ninh Chữ.

2.4. Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công):

Tổng vốn đầu tư của cơ sở: 117.193.407.000 đồng (theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 03/GCN-KT ngày 15/07/2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận).

Theo quy định tại khoản 4 Điều 9 Luật Đầu tư công 2019 và mục IV nhóm B Phụ lục I phân loại dự án đầu tư công kèm theo Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 thì dự án thuộc nhóm B theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công; Theo mục I (số thứ tự 02) Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường 2020, Khách sạn Sài Gòn - Ninh Chữ thuộc danh mục dự án nhóm II.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 39, khoản 4 Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, khoản 3 Điều 28 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Khách sạn Sài Gòn - Ninh Chữ đi vào hoạt động chính thức từ tháng 9 năm 2006 thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường, và thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân huyện Ninh Hải, nội dung chính của Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường theo Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở :

Khách sạn Sài Gòn - Ninh Chữ (giai đoạn 1) đi vào hoạt động tháng 09/2006.

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:

Theo Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Phiếu xác nhận số 44/PXN-STNMT ngày 07/8/2006, quy mô xây dựng các hạng mục công trình của dự án cụ thể như sau: Khách sạn 102 phòng (Giai đoạn 1); Nhà hàng 03 phòng; Nhà hội nghị 01 phòng; Dịch vụ giải trí 12 phòng; Hồ bơi 01 hồ; đường đi và sân vườn.

Công ty đã đầu tư xây dựng và đưa vào hoạt động năm 2006 các khối nhà: Khối nhà đón tiếp (A1), Khối nhà hội nghị (A2), Khối khách sạn (khối ngủ A3), Khối dịch vụ và Giải trí (A4), Khối nhà hàng (A5), Khối Terrace và Hồ bơi (A6). Tổng số phòng nghỉ của các khối nhà là 102 phòng. Năm 2018, Công ty đầu tư xây dựng thêm hạng mục Nhà hàng tiệc cưới - Hội nghị.

Đến năm 2019, Công ty cải tạo công năng phòng ăn VIP và khu vệ sinh không sử dụng của khối A3 thành 03 phòng nghỉ; cải tạo khu trung bày và bán hàng lưu niệm

không sử dụng của khối A4 thành 09 phòng nghỉ; đồng thời xây dựng thêm Cafeteria ven biển. Nâng tổng số phòng nghỉ khách sạn lên thành 114 phòng.

Vì vậy, nay Công ty lập Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường cho Khách sạn Sài Gòn Ninh Chữ với quy mô cụ thể là:

- Quy mô phòng nghỉ: 114 phòng.

- Quy mô công trình (*Theo Trích lục bản đồ địa chính kèm theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 364994 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 20/4/2020*):

+ Khối nhà đón tiếp (A1): gồm 02 tầng, diện tích xây dựng tầng một là 664,5 m².

+ Khối nhà hội nghị (A2): gồm 02 tầng, diện tích xây dựng tầng một là 1.133,2 m².

+ Khối khách sạn (khối ngủ A3): gồm 08 tầng, diện tích xây dựng tầng một là 753,8 m².

+ Khối dịch vụ và giải trí (A4): gồm 04 tầng và 01 tầng lửng, diện tích xây dựng tầng một là 548,1 m².

+ Khối nhà hàng (A5): gồm 02 tầng, diện tích xây dựng tầng một là 980,8 m².

+ Khối Terrace: gồm 01 tầng, diện tích xây dựng là 118,8 m².

+ Hồ bơi: diện tích xây dựng là 583,5 m².

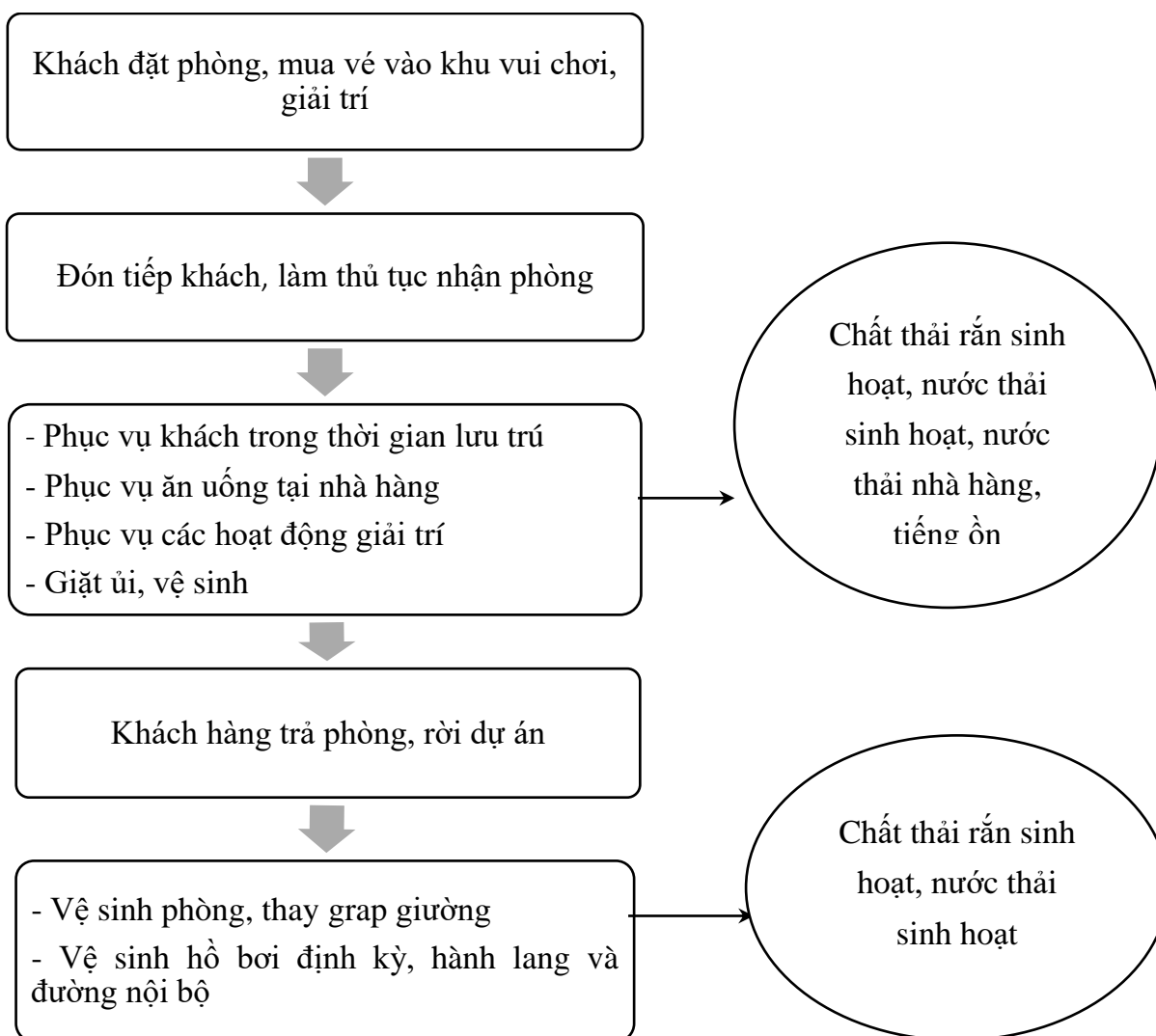
+ Nhà hướng dẫn (bảo vệ): 36,7 m².

+ Nhà hàng tiệc cưới - Hội nghị: gồm 01 tầng, diện tích xây dựng là 2.523,5 m².

+ Cafeteria ven biển: gồm 01 tầng, diện tích xây dựng là 183,9 m².

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở:

Loại hình dự án: Kinh doanh dịch vụ du lịch và nghỉ dưỡng.



Hình 1-2: Quy trình hoạt động của dự án

3.3. Sản phẩm của cơ sở: Dịch vụ du lịch và nghỉ dưỡng.

3.4. Các hạng mục công trình cơ sở:

a. Các hạng mục công trình chính:

Bảng 1-2: Các hạng mục công trình chính

TT	Hạng mục	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sàn/dung tích (m ²)	Tầng cao	Số phòng	Kết cấu
1	Khách sạn (khối ngu A3)	753,8	6.241,2	8	114	Nền bê tông, má nhà đổ bê tông và mái tôn
2	Khối nhà đón tiếp (A1)	664,5	1.329	2	01	
3	Khối nhà hàng (A5)	980,8	1.961,6	2	01	

TT	Hạng mục	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sàn/dung tích (m ²)	Tầng cao	Số phòng	Kết cấu
4	Khối nhà hội nghị (A2)	1.133,2	2.272,9	2	05	có mái che bằng tôn, tường bao xung quanh bằng gạch.
5	Khối dịch vụ & giải trí (A4)	548,1	2.477,1	4	01	
6	Nhà hàng tiệc cưới - Hội nghị	2.523,5	2.523,5	1	02	
7	Hồ bơi	583,5	758,55 (m ³)	-	01	
8	Cafetria ven biển	183,9	183,9	1	01	
9	Khối Terrace	118,8	118,8	1	01	
10	Nhà hướng dẫn (bảo vệ)	36,7	36,7	-	01	

(Nguồn: Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn Ninh Chữ)

b. Các hạng mục công trình phụ:

Bảng 1-3: Các hạng mục công trình phụ trợ.

TT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Diện tích/Số lượng	Kết cấu
1	Hệ thống cấp nước	Nước máy	HT	1	-
2	Hệ thống PCCC	Bơm điện: 45kW Bơm diesel: 45kW Bơm bù: 2,2kW	HT	1	-
3	Cây xanh	-	m ²	42.905,3	-
4	Sân đường nội bộ	-	m ²	12.277,9	Nhựa đường hay đá dăm
5	Nhà để xe	-	m ²	45,7	Nền bê tông, mái tôn có mái che bằng tôn
6	Nhà kho	-	m ²	165,4	
7	Khu chứa rác thải	-	m ²	376,1	

TT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Diện tích/Số lượng	Kết cấu
8	Nhà điện	-	m ²	165,6	
9	Xưởng làm gỗ	-	m ²	165,6	
10	Bể nước, bồn nước	-	m ²	183,4	
11	Giếng nước	-	m ²	262,1	
12	Sân tennis	-	m ²	681,0	Nền bê tông, xung quanh có hàng rào

(Nguồn: Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn Ninh Chữ)

c. Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường:

Bảng 1-4: Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường.

TT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng	Diện tích/Dung tích/Công suất	Kết cấu	Vị trí
1	Hệ thống thoát nước mưa	HT	01	-	-	-
2	Kho chứa chất thải nguy hại	m ²	01	5 m ² (2,5 x 2) m	Nền bê tông, mái che bằng tôn, tường bằng gạch.	Sát bên khu XLNT
3	Các thùng chứa rác sinh hoạt					
3.1	Thùng chứa rác sinh hoạt	Cái	5	660 lít	Sắt, có nắp đậy	Gần với cổng số 2
3.2	Thùng rác sinh hoạt		15	30 lít	Nhựa	Các tầng của khách sạn, lễ tân và bếp
3.3	Thùng rác sinh hoạt		15	20 lít	Nhựa	Các tầng của khách sạn
3.4	Thùng rác sinh		02	15 lít	Inox	Khu dịch

TT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng	Diện tích/Dung tích/Công suất	Kết cấu	Vị trí
	hoạt					vụ
3.5	Thùng rác sinh hoạt		120	10 lít	Nhựa	Các phòng ngủ của khách sạn
4	Bể tự hoại 4 ngăn (35,5 m ³ /bể).	Bể	05	(L x B x H) (8,8 x 1,3 x 3,1) m	Bể xây chìm, có đáy và vách bê tông cốt thép, nắp tấm đan.	Dưới các khu của khách sạn, lễ tân và bếp
	Bể tự hoại 3 ngăn (18,9 m ³ /bể).		04	(L x B x H) (4,2 x 1,8 x 2,5) m		Bên hông các khu của khách sạn, lễ tân và bếp.
5	Bể tách dầu mỡ (0,72 m ³ /bể)		03	(L x B x H) (1 x 0,6 x 1,2) m		
6	Hệ thống xử lý nước thải tập trung	HT	01	100 m ³ /ngày	Bể xây nổi, có đáy và vách bê tông cốt thép, nắp đan bê tông lát thép.	Khu HTXLNT
6.1	Bể gom (hố đặt song chắn rác) 3,21 m ³	Bể	01	(1,5 x 1 x 2,14) m		
6.2	Bể sinh học hiếu khí + lắng 80 m ³		01	(5 x 4 x 4) m		
6.3	Bể điều hòa 28 m ³		01	(5,0 x 2 x 2,8) m	Bể xây chìm, nằm dưới nhà điều hành, có đáy và vách bê tông cốt thép, chống thấm	
6.4	Bồn lọc áp lực 1,81 m ³		Bồn	01	(R 0,6 x H 1,6) m	

TT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng	Diện tích/Dung tích/Công suất	Kết cấu	Vị trí
7	Bể chứa nước 9 m ³	Bể	01	(3 x 3 x 1) m	Bể xây nổi, có đáy và vách bê tông cốt thép.	

(Nguồn: Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn Ninh Chữ)

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:

4.1. Nhu cầu và nguồn cung cấp nước:

- Hiện tại cơ sở sử dụng nước cấp từ 02 nguồn: nước giếng khoan và nước cấp từ Công ty Cổ phần cấp nước Ninh Thuận.

- Căn cứ hóa đơn nước thực tế tại cơ sở, trong 1 năm từ tháng 01/2023 – tháng 07/2024, của Công ty Cổ phần cấp nước Ninh Thuận, lượng nước tiêu thụ tương ứng với công suất hoạt động theo từng tháng được thống kê như sau:

Bảng 1-5: Thống kê lượng nước tiêu thụ thực tế tại cơ sở từ tháng 01/2023 – tháng 7/2024.

Stt	Tháng/năm	Đạt tỷ lệ (%) so với công suất tối đa	Lượng nước cấp cho cơ sở từ đơn vị cấp nước sinh hoạt (m ³ /tháng)
1	Tháng 1/2023	24	97
2	Tháng 2/2023	28	1.390
3	Tháng 3/2023	34	1.207
4	Tháng 4/2023	34	1.267
5	Tháng 5/2023	30	1.421
6	Tháng 6/2023	66	1.516
7	Tháng 7/2023	74	2.227
8	Tháng 8/2023	60	2.702
9	Tháng 9/2023	32	1.714
10	Tháng 10/2023	17	1.152
11	Tháng 11/2023	17	896
12	Tháng 12/2023	25	1.099

13	Tháng 1/2024	17	1.315
14	Tháng 2/2024	36	1.155
15	Tháng 3/2024	41	1.583
16	Tháng 4/2024	43	1.564
17	Tháng 5/2024	37	1.511
18	Tháng 6/2024	70	1.393
19	Tháng 7/2024	76	2.603

- Thời điểm hoạt động với công suất cao nhất trong năm 2024 là 76% so với công suất tối đa với lượng nước tiêu thụ là 2.603 m³/tháng (vào tháng 7/2024), tương đương 86,8 m³/ngày. Trong đó, lượng nước cấp cho các hoạt động tưới và bể bơi là cố định với lưu lượng cấp là 44,15 m³/ngày. Như vậy, lượng nước cấp cho hoạt động sinh hoạt là 42,7 m³/ngày. Khi hoạt động 100% công suất thì lượng nước cấp cho hoạt động sinh hoạt cần tối đa khoảng 56,2 m³/ngày. Tương đương tổng lượng nước cấp mua từ Công ty Cổ phần cấp nước Ninh Thuận khi khách sạn hoạt động 100% công suất là khoảng 100,35 m³/ngày).

→ Như vậy, tổng nhu cầu nước cấp khi cơ sở hoạt động tối đa 100% công suất: 100,35 m³/ngày. Bao gồm: 21 m³/ngày từ nguồn nước giếng khoan và 79,35 m³/ngày mua từ Công ty Cổ phần cấp nước Ninh Thuận để cung cấp cho cơ sở.

Bảng 1-6: Phân tích khối lượng nước sử dụng cho các hoạt động theo hóa đơn sử dụng nước

St t	Hoạt động	Diện tích (m ²)	Định mức (l/m ²)	Lượng nước cấp sử dụng (m ³ /ngày)	Nguồn nước	
					Nước máy	Nước giếng khoan
1	Tưới cây xanh	42.905,3	1,5	64,4	43,4	21,00
2	Nước cấp bổ sung hồ bơi (10% V hồ, V hồ = 758,55 m ³)	-	-	0,75	0,75	0
3	Nước cấp sinh hoạt nhân viên phục vụ, khách lưu trú du lịch; nước cấp cho nhà hàng, nhà bếp của nhà hàng; tất cả hoạt động tiện ích tại khu du				56,2	0

lịch; nước cấp cho khu giặt đồ; hoạt động vệ sinh sàn					
Tổng cộng				100,35	21,00

(Nguồn: Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn Ninh Chữ)

*** Tình hình khai thác, sử dụng nguồn nước dưới đất của Dự án:**

Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn Ninh Chữ được Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận cấp Giấy phép khai thác nước dưới đất tại số 03/GP-UBND ngày 18/01/2016.

Thông tin về công trình khai thác, sử dụng nước đã được cấp phép:

- Mục đích khai thác, sử dụng nước: Tưới cây.

- Vị trí công trình khai thác nước dưới đất: Các giếng khoan nằm trong khuôn viên Khách sạn Sài Gòn – Ninh Chữ của Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn Ninh Chữ thuộc thị trấn Khánh Hải, huyện Ninh Hải.

- Tầng chứa nước khai thác: Holocen (qh)

- Tổng số giếng khai thác: 07 giếng khoan.

- Tổng lượng khai thác: 21 m³/ngày.

- Thời hạn khai thác: 10 năm, kể từ ngày cấp giấy phép.

4.2. Nhu cầu và nguồn cung cấp điện:

Lượng điện tiêu thụ khoảng 110.900 kWh/tháng. Nguồn cung cấp điện từ Công ty điện lực Ninh Thuận. Ngoài ra, nguồn dự phòng khi mất điện lưới là sử dụng máy phát điện.

4.3. Nhu cầu thiết bị:

Bảng 1-7: Các thiết bị chính của cơ sở.

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
1	Máy thổi khí Nhật	BE-50E Nhật; Motor(Seinems); 3 Hp	Bộ	02
2	Bơm nước thải nhúng chìm	1,0 Hp (EBARA-Ý)	Bộ	04
3	Bơm nước thải	12 m ³ /h (EBARA-Ý)	Cái	02
4	Song chắn rác	inox	Cái	01
5	Bơm định lượng hóa chất	(BLUE WHITE – Mỹ) 55 lít/h	Cái	02
6	Motor giảm tốc (+ cánh khuấy)	Motor Đài Loan Cánh khuấy bằng inox	Bộ	01
7	Thùng nhựa đựng hóa chất	300 lít (PVC)	Bộ	02

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
8	Hệ thống đường ống kỹ thuật và phân phối khí	-	Bộ	01
9	Hệ thống điện (linh kiện LG) & dây dẫn trong trạm xử lý	-	Bộ	01

(Nguồn: Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn Ninh Chữ)

4.4. Nhu cầu nhiên liệu:

Bảng 1-8: Nhu cầu nguyên nhiên liệu, hóa chất sử dụng tại cơ sở

Stt	Nguyên, nhiên vật liệu	Lượng sử dụng	Đơn vị tính	Nguồn cung cấp
1	Gas	1.500	Kg/tháng	Chi nhánh xăng dầu Ninh Thuận
2	Dầu DO	35,2	kg/giờ	
3	Cồn	5.000	Cục cồn khô	CT TNHH SX-TM&DV TNT
4	Nước	100,35	m ³ /ngày	Công ty Cổ phần cấp nước Ninh Thuận và nước ngầm.
5	Điện	110.900	kW/tháng	Công ty Điện lực Ninh Thuận.
6	Lương thực, thực phẩm	180.175	Kg/tháng	Siêu thị Coopmart
7	Chlorine xử lý nước hồ bơi (6 g/m ³ nước)	12,7	kg/ngày	Công ty TNHH Thương Mại Và Dịch vụ Hưng Phát.
8	Chlorin xử lý nước thải sinh hoạt (6 g/m ³ nước thải)	0,6	kg/ngày	

5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở:

- Tổ chức nhân sự: Tổng nhân sự quản lý vận hành của Cơ sở là 97 người (bao gồm 18 nhân viên làm việc theo giờ hành chính và 79 nhân viên làm việc theo ca).
- Đối với nhân viên làm việc theo ca:
 - + Số ca làm việc trong ngày: 03 ca/ngày.
 - + Số giờ làm việc: 8 giờ/ca.
- Đối với nhân viên làm việc theo giờ hành chính: Số giờ làm việc trong ngày 8 giờ/ngày.
- Số ngày làm việc trong năm là: 365 ngày/năm.

Chương II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:

- Dự án hoạt động hoàn toàn phù hợp với phê duyệt Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1319/QĐ-TTg ngày 10/11/2023.

- Ngoài ra, Cơ sở hoạt động phù hợp với phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Ninh Hải đã được UBND tỉnh Ninh Thuận phê duyệt tại Quyết định số 371/QĐ-UBND ngày 28/6/2022 là hoàn toàn phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của địa phương.

- Và phù hợp với mục đích sử dụng đất là đất thương mại, dịch vụ (*Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 364994 cấp ngày 20/4/2020*).

2.2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường:

Trong quá trình hoạt động Cơ sở phát sinh nước thải sinh hoạt, môi trường không khí, tiếng ồn, chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại.

- Đối với nước thải sinh hoạt: Nước thải phát sinh tại dự án được thu gom xử lý sơ bộ bằng 09 bể tự hoại 4 ngăn, nước thải sau khi xử lý sơ bộ được dẫn về HTXLNT tập trung của cơ sở tiếp tục xử lý. Nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT, cột B (k = 1) được dẫn về bể chứa nước thải sau xử lý được tận dụng trong phạm vi của cơ sở.

- Đối với môi trường không khí, tiếng ồn: Quá trình hoạt động của cơ sở phát sinh khí thải và tiếng ồn chủ yếu là các nguồn thải di động như các phương tiện giao thông ra vào cơ sở, mùi từ hệ thống xử lý nước thải và nhà lưu chứa rác thải sinh hoạt.

* Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải:

- Khu vực bãi đỗ xe, sân đường nội bộ được trải bê tông. Công ty lập bảng nội quy và yêu cầu đội vệ sinh thường xuyên quét dọn thu gom bụi sân đường nội bộ, tránh tình trạng bụi khuếch tán gây ô nhiễm.

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt, được thu gom, chuyển giao cho Công ty TNHH XD - TM & SX Nam Thành Ninh Thuận thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn.

- Đối với chất thải nguy hại thì được thu gom, lưu chứa tạm thời trong kho chứa chất thải nguy hại và định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý.

Những tác động phát sinh từ quá trình hoạt động và các biện pháp giảm thiểu đã và đang thực hiện thì việc hoạt động của cơ sở cơ bản phù hợp với khả năng chịu tải của môi trường.

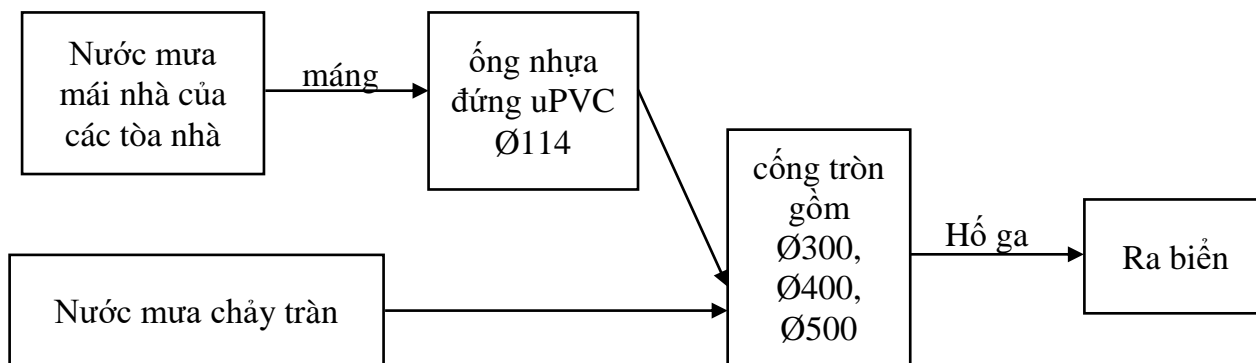
Chương III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:

3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa:

Nước mưa trên mái nhà của các khối nhà được thu gom bằng hệ thống máng thu xung quanh tòa nhà, gom lại bằng các ống nhựa đứng uPVC Ø114 dài theo độ cao công trình. Sau đó, cùng với một phần nước mưa chảy tràn trên sân đường chảy vào hệ thống cống thu gom nước mưa riêng biệt bố trí xung quanh khu vực sân đường nội bộ của cơ sở. Hệ thống thu gom nước mưa của cơ sở là các cống tròn gồm Ø300, Ø400, Ø500, có tổng chiều dài khoảng 759 m, trên dọc tuyến thu gom có 111 hố ga, kết cấu bằng bê tông đá 4x6, kích thước (LxD: D+300 x D+200). Hướng thu gom nước mưa của cơ sở là từ Bắc xuống Nam, từ Tây sang Đông và thoát ra biển.



Hình 3-1: Sơ đồ thu gom nước mưa.

Từ khi dự án đi vào hoạt động đến nay chưa xảy ra hiện tượng ngập úng trong khu vực Dự án. Bề mặt sân đường nội bộ được thiết kế tạo độ dốc tốt nên không bị ú đọng nước. Công tác vệ sinh các khu vực này cũng được hết sức chú trọng nên không có hiện tượng nước mưa chảy tràn cuốn theo các chất ô nhiễm trên bề mặt. Đồng thời, các khu vực trồng cỏ và cây xanh cũng thể hiện khả năng thấm rút tốt.

3.1.2. Thu gom, thoát nước thải sinh hoạt:

3.1.2.1. Công trình thu gom nước thải sinh hoạt:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các khu nhà nghỉ lưu trú, khu văn phòng, nhà đón tiếp, nhà hội nghị, nhà dịch vụ & giải trí, nhà vệ sinh ... được thu gom về các bể tự hoại 4 ngăn và 3 ngăn bằng các đường ống nhựa uPVC Ø90 mm dài trung bình khoảng 1m. Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý sơ bộ tại các bể tự hoại được dẫn theo cống tròn Ø200 dài khoảng 424 m và cống tròn Ø300 dài khoảng 51 m về HTXLNT tập trung tiếp tục xử lý.

- Nước thải nấu ăn phát sinh từ khu nhà hàng (A5), Nhà hàng tiệc cưới hội nghị và nhà nghỉ (A2 và A3) từ hoạt động nấu ăn chứa các chất tẩy rửa, dầu mỡ, cặn

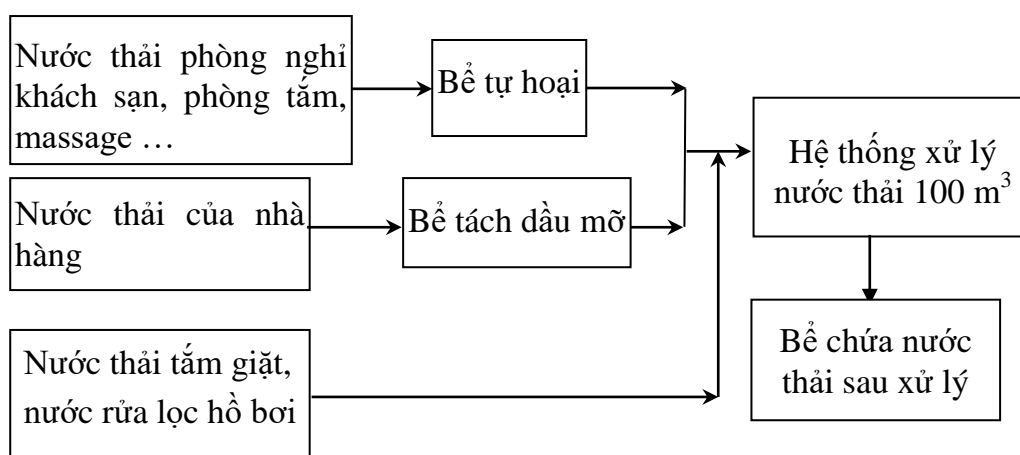
bắn...được thu gom trực tiếp vào 03 bể tách dầu mỡ có dung tích 0.72 m^3 , sau khi tách dầu mỡ được dẫn về HTXLNT tập trung tiếp tục xử lý.

Nước thải sinh hoạt từ các khu vực phát sinh sau khi xử lý sơ bộ qua các bể tự hoại 4 ngăn hoặc 3 ngăn và bể tách dầu mỡ được dẫn theo các tuyến ống thu gom bằng cống tròn $\text{Ø}200$ dài khoảng 200 m và cống tròn $\text{Ø}300$ dài khoảng 51 m theo phương thức tự chảy về bể gom của HTXLNT tập trung. Trên dọc tuyến thu gom có 59 hố ga, kết cấu bằng bê tông đá 1x2 mác 150, kích thước (LxD: D+300 x D+200).

3.1.2.2 Công trình thoát nước thải sinh hoạt:

Nước thải sinh hoạt được thu gom xử lý bằng HTXLNT tập trung. Sau đó theo đường ống nhựa uPVC $\text{Ø}200$ dài 10 m vào bể chứa nước thải tại vị trí có tọa độ X = 1281828; Y = 0585735 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}15'$, múi chiều 3°).

Sơ đồ minh họa thu gom và thoát nước thải sinh hoạt:



Hình 3-2: Sơ đồ thu gom và thoát nước thải sinh hoạt.

- Điểm xả nước thải sinh hoạt sau xử lý: Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B, k = 1) được thoát ra lưu chứa tại bể chứa nước thải tại vị trí có tọa độ: X = 1281828; Y = 0585735 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}15'$, múi chiều 3°).

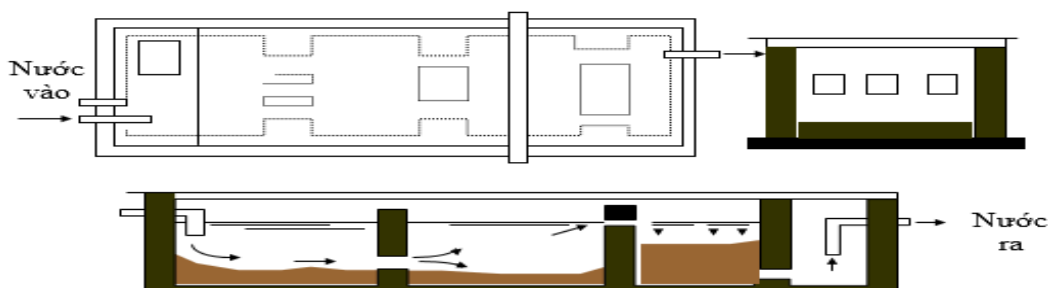
3.1.3. Công trình xử lý nước thải sinh hoạt:

a. Bể tự hoại xử lý sơ bộ:

- Nước thải sinh hoạt được thu gom, xử lý sơ bộ bằng các bể tự hoại 04 ngăn hoặc 3 ngăn. Bể tự hoại được đặt phía dưới nhà vệ sinh của Cơ sở, thành bể được xây bằng gạch đing vữa xi măng M75 quét hồ dầu, đáy bể bê tông cốt thép. Kích thước của mỗi bể tự hoại 04 ngăn dung tích $35,5 \text{ m}^3/\text{bể}$ và 3 ngăn dung tích $18,9 \text{ m}^3/\text{bể}$:

- Có 05 bể tự hoại 05 ngăn dung tích $35,5 \text{ m}^3/\text{bể}$ và 04 bể tự hoại 03 ngăn dung tích $18,9 \text{ m}^3/\text{bể}$, kích thước các ngăn của mỗi bể như sau:

	Bể tự hoại 04 ngăn dung tích 35,5 m ³ /bể	Bể tự hoại 03 ngăn dung tích 18,9 m ³ /bể
Ngăn chứa	Có 2 bể, kích thước 1 bể: dài 2,4 m x rộng 1,3 m x sâu 3,1 m.	dài 2,2 m x rộng 1,8 m x sâu 2,5 m.
Ngăn lắng	dài 2 m x rộng 1,3 m x sâu 3,1 m.	dài 1 m x rộng 1,8 m x sâu 2,5 m
Ngăn lọc	dài 2 m x rộng 1,3 m x sâu 3,1 m.	dài 1 m x rộng 1,8 m x sâu 2,5 m.



Hình 3-3: Cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn 18,9 m³

* Quy trình xử lý nước thải tại bể tự hoại như sau:

Bể tự hoại 04 ngăn là bể phản ứng kỵ khí, các chất ô nhiễm được phân hủy bởi vi sinh vật kỵ khí. Nước thải được đưa vào ngăn thứ 1 và ngăn thứ 2 có chức năng tách cặn ra khỏi nước thải. Cặn lắng ở dưới đáy bể được hút ra định kỳ để đưa đi xử lý. Nước thải và cặn lơ lửng theo dòng chảy sang ngăn thứ 3. Ở ngăn này, cặn tiếp tục lắng xuống đáy, nước được vi sinh yếm khí phân hủy, làm sạch các chất hữu cơ trong nước. Sau đó, nước chảy sang ngăn thứ 4 để lọc toàn bộ sinh khối cũng như cặn lơ lửng. Cuối cùng, nước chảy theo các tuyến công sang bể gom của HTXLNT tập trung của cơ sở tiếp tục xử lý.

* Tên đơn vị thiết kế, thi công, giám sát thi công; nhà thầu xây dựng:

- Đơn vị thiết kế và xây dựng: Công ty CP ĐT XD&MT Trung Tín.
- Đơn vị giám sát thi công: Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn Ninh Chữ.

b. Bể tách dầu nước thải nấu ăn:

Bể tách dầu nước thải nấu ăn được đặt tại khu vực bếp của khu nhà hàng (A5), Nhà hàng tiệc cưới hội nghị, khu nhà nghỉ (A2 và khu A3). Chức năng: tách dầu mỡ ra khỏi nước thải nhà bếp. Bể tách dầu mỡ được thiết kế gồm nhiều vách ngăn, các ngăn thông nhau bằng ống chữ T đặt giữa các ngăn. Dầu mỡ có trong nước thải nổi trên mặt nước sẽ bị giữ lại ở các vách ngăn, phần nước không chứa dầu mỡ luôn phía dưới các vách ngăn chảy sang bể gom.

Thông số:

- Dung tích : 0,72 m³
- Kích thước LxWxH : 1 m x 0,6 m x 1,2 m
- Vật liệu : BTCT, chống thấm bên trong

Số lượng bể tách dầu: 03 bể

Nước thải nhà bếp sau khi được xử lý qua bể tách dầu mỡ được thu gom về bể gom thu gom theo phương thức tự chảy sau đó tiếp tục được bơm dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

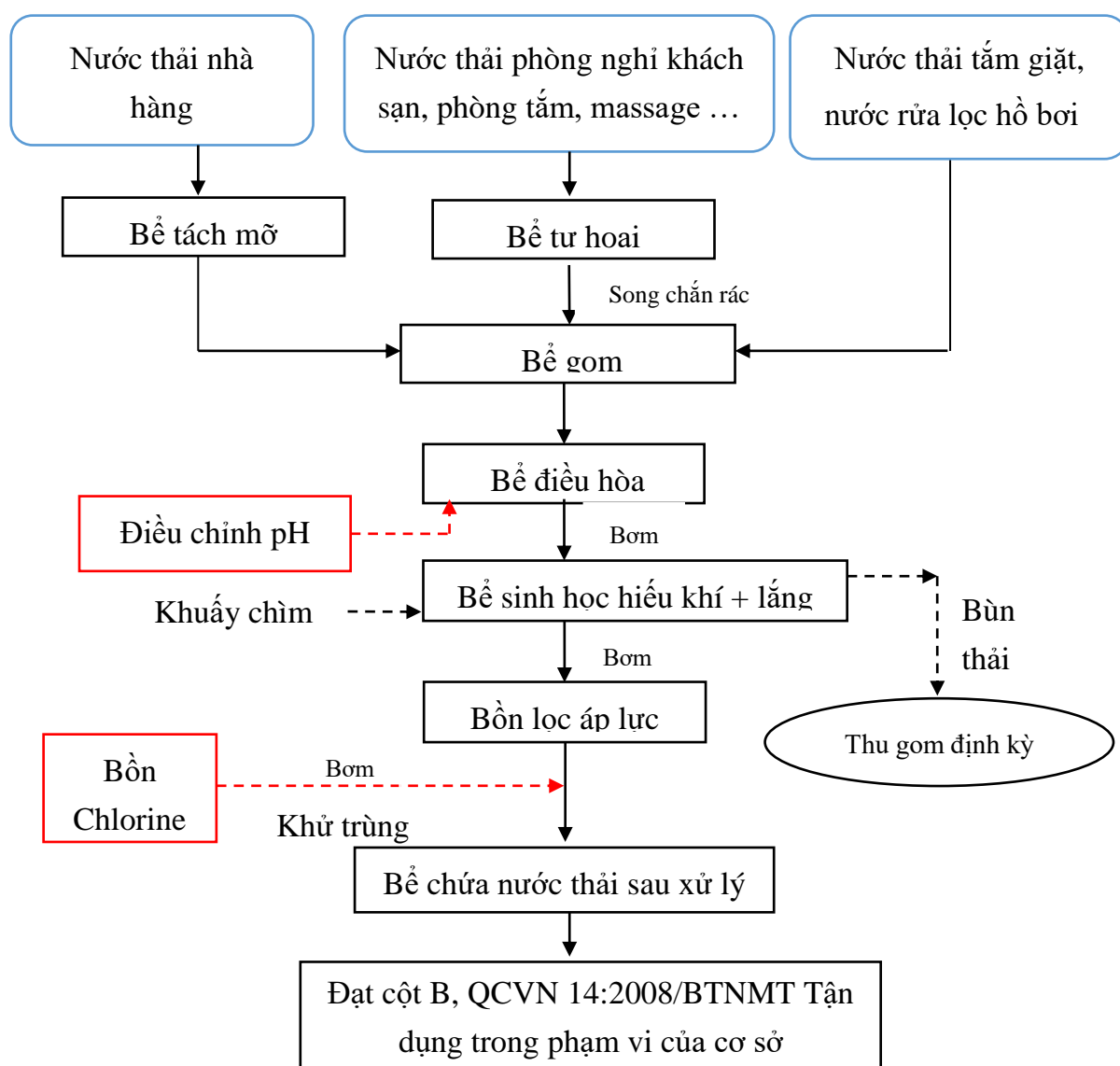
* Tên đơn vị thiết kế, thi công, giám sát thi công; nhà thầu xây dựng:

- Đơn vị thiết kế và xây dựng: Công ty CP ĐT XD&MT Trung Tín.

- Đơn vị giám sát thi công: Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn Ninh Chữ.

c. Công trình xử lý nước thải tập trung:

Tất cả các dòng nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý sơ bộ sẽ được thu gom về hệ thống XLNT tập trung 100 m³/ngày đêm hiện hữu của khách sạn. Sơ đồ quy trình công nghệ HTXLNT tập trung, công suất 100 m³/ngày đêm.



Hình 3-4: Sơ đồ quy trình công nghệ của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Xây dựng công trình xử lý nước thải tập trung công suất 100 m³/ngày đêm xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt, đảm bảo đạt giá trị cột B (hệ số K = 1) của QCVN

14:2008/BTNMT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt) trước khi thải vào bể chứa.

- Thuyết minh quy trình xử lý:

+ *Bể gom*: Nước thải phát sinh từ các nguồn sẽ được dẫn về bể gom. Trước khi vào bể gom nước thải chảy qua song chắn rác, loại bỏ các tạp chất và chất lơ lửng có kích thước lớn. Bể gom, song chắn rác có tác dụng loại bỏ những vật liệu nổi, lơ lửng có kích thước lớn trong nước thải như: rác, vụn nguyên liệu, giấy,...những tạp chất này có thể gây tắc nghẽn đường ống, làm hỏng máy bơm. Cặn, rác định kỳ được vớt thủ công rồi gom vào thùng chứa rác.

+ *Bể điều hòa*: Tại bể thu gom tập trung nước thải được dẫn qua bể điều hòa, tại đây nước thải được điều chỉnh pH về trung tính với $\text{pH} = 7$, đồng thời điều hòa lưu lượng và nồng độ nước thải, tạo chế độ làm việc ổn định và liên tục cho các công trình xử lý phía sau. Đồng thời làm giảm 20 – 30% BOD₅, COD trong nước thải. Nước thải sau khi qua bể điều hòa sẽ được dẫn qua bể sinh học hiếu khí và lắng.

+ *Bể sinh học, hiếu khí và lắng*: Tại bể này khí được thổi liên tục (khoảng 6 giờ) từ dưới lên theo hệ thống sục khí khuấy tán và hòa tan oxy vào nước. Trong điều kiện sục khí liên tục, các vi khuẩn hiếu khí sẽ oxy hóa hầu hết các hợp chất hữu cơ có trong nước thải. Sau thời gian thổi khí liên tục 6 giờ, lúc đó nước đã đạt được yêu cầu thì ngưng thổi khí để cho các bùn hoạt tính tự lắng xuống đáy bể. Bùn thải từ bể sinh học, hiếu khí và lắng sẽ được chứa dưới đáy bể, định kỳ bùn trong bể chứa đầy, được thu gom vận chuyển bởi đơn vị chức năng.

+ *Bồn lọc áp lực*: Nước thải sau khi để lắng khoảng 1,5 giờ thì bơm tự động qua bể lọc áp lực. Tại bể này hầu hết các chất lơ lửng có kích thước nhỏ không loại bỏ được ở bể lắng sẽ giữ lại tại bể này. Hiệu suất xử lý chất rắn lơ lửng (TSS) có trong nước thải đạt 90 – 95%.

+ *Bồn chứa hóa chất*: Nước thải sau bể lọc áp lực được châm tự động hóa chất khử trùng vào đường ống bằng bơm dung dịch Chlorine với liều lượng 6 g/m³ để khử trùng và loại bỏ các vi sinh vật, vi khuẩn gây bệnh tồn tại trong nước thải, góp phần làm trong nước và đạt QCVN 14:2008/BTNMT, Cột B.

+ *Bể chứa nước thải sau xử lý*: Nước thải sau khi khử trùng được dẫn về bể chứa nước thải, nước thải sinh hoạt sau xử lý được tận dụng trong phạm vi của cơ sở. Có tọa độ X = 1281828; Y = 0585735 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 108⁰15', múi chiều 3⁰).

- Chế độ vận hành: Liên tục.

- Hóa chất sử dụng: Chlorine, lượng dùng 6 g/m³ nước thải.

* Tên đơn vị thiết kế, thi công, giám sát thi công; nhà thầu xây dựng:

- Đơn vị thiết kế và xây dựng: Công ty CP ĐT XD&MT Trung Tín.

- Đơn vị giám sát thi công: Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn Ninh Chữ.

*** Thông số kỹ thuật hệ thống xử lý nước thải tập trung 100 m³/ngày đêm.**

Bảng 3.1: Thông số kỹ thuật hệ thống xử lý nước thải tập trung 100 m³/ngày đêm.

Stt	Tên hạng mục	Thể tích bể (m ³)	Sl	Đvt
1	BỂ gom (hố đặt song chắn rác) 3,21 m³			
	Kích thước: L x B x H = 1,5 x 2,14 x 1,0 (m) Vật liệu : Đáy, Tường, Nắp bằng BTCT	3,21	1	BỂ
2	BỂ sinh học hiếu khí + lắng 80 m³			
	Kích thước: L x B x H = 5,0 x 4,0 x 4,0 (m) Vật liệu : Đáy, Tường, Nắp bằng BTCT	80	1	BỂ
3	BỂ điều hòa 28 m³			
	Kích thước: L x B x H = 5,0 x 2,0 x 2,8 (m) Vật liệu : Đáy, Tường, Nắp bằng BTCT	28	1	BỂ
4	Bồn lọc áp lực 1,81 m³			
	Kích thước: R x H = 0,6 x 1,6 (m) Vật liệu : Bồn tròn, bằng inox	1,81	1	Bồn
5	Bồn chứa hóa chất	300 lít	2	Bồn
	Vật liệu : Bồn tròn, bằng PVC			
6	BỂ chứa nước thải sau xử lý 9 m³			
	Kích thước: L x B x H = 3,0 x 3,0 x 1,0 (m) Vật liệu : Đáy, Tường BTCT	9	1	BỂ

- Danh mục máy móc, thiết bị đầu tư lắp đặt tại hệ thống xử lý nước thải tập trung của khách sạn.

Bảng 3.2: Máy móc, thiết bị của HTXLNT 100 m³/ngày

Stt	Tên máy móc, thiết bị	Xuất xứ	Sl	Đvt
I	BỂ gom (hố đặt song chắn rác)			
1	Song chắn rác: - Vật liệu bằng Inox 304 dày 2mm kích thước khe 20mm, Xích kéo inox 304.	Dvc	1	Cái
II	BỂ điều hòa			
2	Bơm chìm nước thải bể điều hòa qua bể sinh học hiếu khí + lắng. Thông số kỹ thuật: - Lưu lượng: 12 m ³ /h,	Italya	2	Cái

Stt	Tên máy móc, thiết bị	Xuất xứ	Sl	Đvt
	<ul style="list-style-type: none"> - Công suất: 1 HP (0,75 kW), - Vật liệu: thân gang, cánh inox - Hãng sản xuất: EBARA-Ý 			
III	BỂ sinh học hiếu khí + lắng			
3	<p>Máy thổi khí. Thông số kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công suất Motor: 3,0 Hp, - Loại: BE-50E - Hãng sản xuất: Japan. 	Japan	1	Cái
4	<p>Bơm bùn nhúng chìm. Thông số kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công suất: 1 HP (0,75 kW), - Hãng sản xuất: EBARA-Ý 	Italya	2	Cái
IV	Bồn lọc áp lực			
5	<p>Bơm nước thải. Thông số kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lưu lượng: 12 m³/h, - Vật liệu: thân gang, cánh inox - Hãng sản xuất: EBARA-Ý 	Italya	2	Cái
6	<p>Bồn lọc áp lực:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Inox 304, dày 3mm. - Kích thước: D x H = 1200 x 1600 (mm) 	Việt Nam	1	Bộ
7	<p>Phụ kiện bồn lọc áp lực:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đồng hồ đo áp lực, - Cát lọc thạch anh 1-2mm, - Sỏi đỡ 4 - 6mm, - Than hoạt tính 2 - 3mm, - Hệ thống phân phối nước, - Van 1 chiều, khớp nối, rắc co, - Đệm cao su, bulong, vít,... 	Việt Nam	1	Bộ
V	Bồn chứa hóa chất			
8	<p>Bơm định lượng hóa chất. Thông số kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lưu lượng: 55 lít/h, - Hãng sản xuất : Mỹ. 	Mỹ	2	Cái

Stt	Tên máy móc, thiết bị	Xuất xứ	Sl	Đvt
9	Motor giảm tốc + cánh khuấy. Thông số kỹ thuật: - Vật liệu: cánh inox - Hãng sản xuất: Taiwan.	Taiwan	1	Bộ
10	Bồn nhựa chứa hóa chất khử trùng. Thông số kỹ thuật: - Dung tích : 300 lít.	Việt Nam	2	Cái

- Quy chuẩn áp dụng đối với nước thải sau xử lý: Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột B, k = 1).
- CO/CQ của hệ thống thiết bị xử lý nước thải được đính kèm ở phần phụ lục.



Hình 3-5: Hệ thống xử lý nước thải



Hình 3-6: Thùng rác lưu trữ chất thải rắn sinh hoạt.

d. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước hồ bơi

- Toàn bộ nước hồ bơi được nhân viên Công ty lọc thường xuyên trong ngày. Định kỳ 2 ngày/lần Công ty sẽ tiến hành rửa lọc, nước rửa bình lọc khoảng 300 lít/lần. Nước thải từ hoạt động này được dẫn vào hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

- Nước hồ bơi được Công ty kiểm soát theo QCVN 02:2009/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt.

- Luôn kiểm tra mực nước trong bể chứa nước sạch và bể cân bằng không để tụt quá miệng hút bơm làm bơm chạy khô sẽ dẫn đến cháy máy bơm.

- Hàng tuần dành 1 ngày làm vệ sinh bể thật kỹ, mục đích diệt toàn bộ rong tảo đã nhờn Chlorine. Rút bớt khoảng 10% nước trong bể, bổ sung nguồn nước sạch vào.

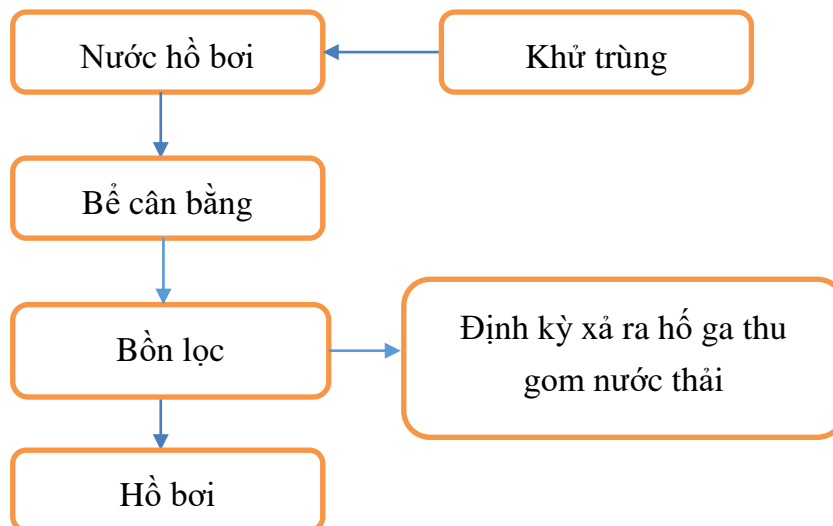
- Thường xuyên kiểm tra để điều chỉnh lượng hóa chất và thời gian lọc để các chỉ tiêu về độ Clo, độ pH, độ kiềm, độ kali... để chất lượng nước trong bể bơi đảm bảo đúng tiêu chuẩn cho phép.

- Duy trì công tác cứu đuối nước tại bể bơi với cơ số thuốc cần thiết như thuốc nhỏ mắt, mũi, lau khô, dụng cụ cấp cứu ngạt nước ...

- Định kỳ 1 năm/lần, vật liệu lọc sẽ được thay mới, đối với vật liệu lọc đã qua sử dụng (bao gồm sỏi đỡ khoảng 0,4 m³, cát thạch anh khoảng 0,4 m³, than hoạt tính khoảng 0,4 m³) được Công ty hợp đồng với đơn vị cung cấp thu gom, xử lý hoàn nguyên để tái sử dụng.

* Quy trình và đặc điểm hệ thống lọc nước hồ bơi cụ thể như sau:

- Quy trình:



Hình 3-7: Quy trình xử lý nước hồ bơi.

- Thuyết minh quy trình:

Nước hồ bơi được khử trùng bằng chlorine tại hồ bơi được bơm lên bể cân bằng dung tích 45 m³ và bồn lọc bằng thép CT, dung tích bồn lọc 0,6 m³/bồn sau đó nước được bơm trở lại hồ bơi để tái sử dụng.

Nước rửa lọc được dẫn vào hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý với lưu lượng 300 lít/lần (7 ngày x 1 lần).

- Đặc điểm hệ thống xử lý nước hồ bơi:

Bảng 3.3: Hệ thống lọc nước hồ bơi

Stt	Thiết bị	Số lượng	Đặc tính kỹ thuật
1	Bồn lọc	3 bộ	Kích thước (DxH): (0,9 x 0,9) m Vật liệu: Thép CT
2	Bể cân bằng	1 bể	Kích thước (LxBxH): (3 x 6 x 2,5) m. Bể bằng bê tông cốt thép và có nắp đậy.
3	Bơm trục ngang	3 cái	Công suất: 3 hp Điện áp: 380V/3pha Lưu lượng: 30 m ³ /h Cột áp: 30 m

3.2. Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải:

3.2.1. Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải từ hoạt động giao thông

Khu vực bãi đỗ xe, sân đường nội bộ trong Cơ sở được đá để giảm thiểu bụi và khí thải khi Cơ sở đi vào hoạt động. Công ty sẽ lập bảng nội quy và yêu cầu đội vệ sinh thường xuyên quét dọn thu gom bụi trong Cơ sở và sân đường nội bộ, tránh tình trạng bụi khuếch tán gây ô nhiễm.

3.2.2. Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải từ hoạt động nấu:

Đối với khu vực bếp chỉ sử dụng gas và điện để đun nấu, bếp được thiết kế thoáng gió đón gió từ biển vào với độ thông thoáng cao.

3.2.3. Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải từ hoạt động máy phát điện dự phòng:

Máy phát điện được đặt trong nhà kho xây kín, máy được kê trên đế cao su chống rung và máy chỉ hoạt động khi cúp điện.

3.2.4. Biện pháp giảm thiểu mùi hôi từ hệ thống thu gom, xử lý nước thải:

Nước thải sinh hoạt được thu gom xử lý trước bằng bể tự hoại kín, đặt âm dưới đất. Sau đó, nước thải sinh hoạt được dẫn ra hệ thống xử lý nước thải. Hệ thống xử lý nước thải được thiết kế nắp đan đặt âm dưới đất, cách xa các khu vực hoạt động chính của cơ sở, xung quanh có cây xanh và tường bao che.

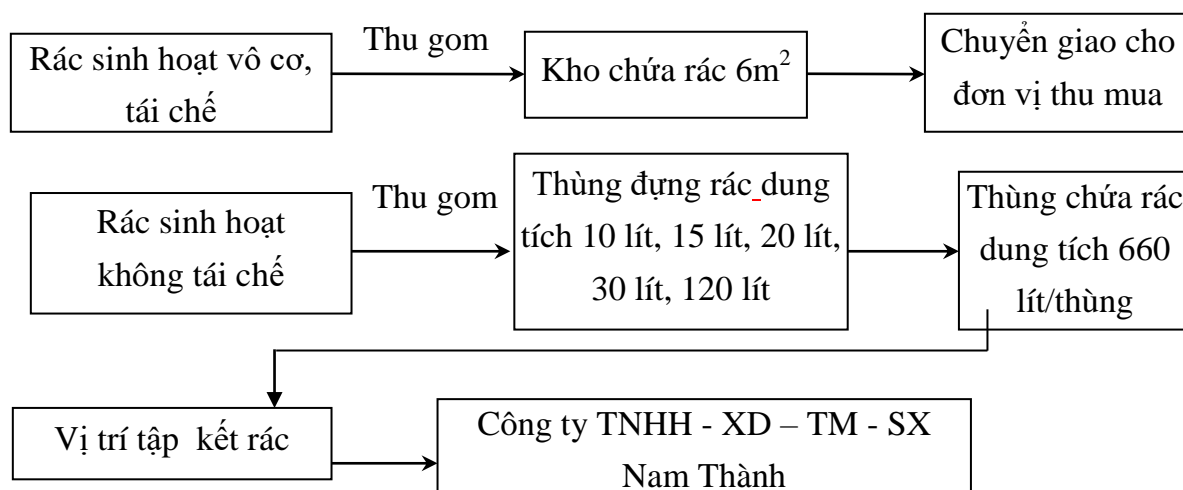
3.3. Công trình, biện pháp lưu trữ, xử lý chất thải thông thường:

3.3.1. Công trình lưu trữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Lượng rác thải sinh hoạt phát sinh tại toàn bộ cơ sở khoảng 4.461,6 kg/tháng (tương đương khoảng 53,54 tấn/năm). Thành phần rác thải sinh hoạt bao gồm: thức ăn thừa, túi nilon, giấy vụn,...

- Rác vô cơ, tái chế sẽ được nhân viên vệ sinh tập trung vào 01 kho diện tích 6 m² (dài 3 m x rộng 2 m), kết cấu: nền bê tông chống thấm, tường bao xung quanh bằng gạch đặt gần khu vực nhà kho CTNH và chuyển giao cho đơn vị thu mua phế liệu.

- Rác không tái chế được nhân viên vệ sinh thu gom từ các thùng chứa rác nhỏ có dung tích 10 lít, 15 lít, 20 lít, 30 lít, 120 lít được bố trí tại các phòng lưu trú, khu vực nhà bếp, nhà hàng, đường nội bộ, khu văn phòng.... Ngoài ra, khu vực bãi biển bố trí nhân viên định kỳ hàng ngày nhân viên vệ sinh thu gom, vận chuyển và chứa vào 5 thùng chứa rác chung có nắp đậy, dung tích 660 lít/thùng đặt gần cổng 2 góc phía Tây dự án. Định kỳ nhân viên vệ sinh sẽ chuyển tập kết cho Công ty TNHH-XD-TM-SX Nam Thành vận chuyển về nhà máy để xử lý với tần suất 03 lần/tuần (Hợp đồng số 20/HĐKT/2024 ngày 27/12/2023).



Hình 3-8: Sơ đồ thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt.

3.3.2. Công trình lưu trữ chất thải bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn phát sinh: bùn thải từ hệ thống XLNT tập trung, bùn bể tự hoại.

+ Bùn thải từ hệ thống XLNT tập trung: Công ty sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ 24 tháng/lần tiến hành hút bùn bằng xe bồn và vận chuyển đi để xử lý.

+ Bùn từ bể tự hoại: Công ty sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ 24 tháng/lần tiến hành hút bùn bằng xe bồn và vận chuyển đi để xử lý.

3.3.3. Công trình lưu trữ chất thải dầu mỡ thải từ bể tách dầu mỡ:

Phần dầu mỡ nổi trên bề mặt bể sẽ được vớt lên bằng thủ công với tần suất từ 3-7 ngày/lần,.. để phân hủy thành phần chất béo, dầu và mỡ trong bể tách mỡ, chuyển hóa

thành dạng dễ tan giúp giảm được tần suất vớt dầu và giảm mùi hôi phát sinh. Dầu mỡ sau khi vớt lên được thu gom và xử lý chung với chất thải rắn sinh hoạt.

3.3.4. Công trình lưu trữ chất thải các vật liệu lọc từ bể lọc nước của hồ bơi:

Định kỳ 1 năm/lần, vật liệu lọc sẽ được thay mới, đối với vật liệu lọc đã qua sử dụng (bao gồm sỏi đỡ khoảng 0,4 m³, cát thạch anh khoảng 0,4 m³, than hoạt tính khoảng 0,4 m³) được Công ty hợp đồng với đơn vị cung cấp thu gom, xử lý hoàn nguyên để tái sử dụng.

3.4. Công trình, biện pháp lưu trữ, xử lý chất thải nguy hại:

Thành phần chất thải nguy hại: Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải; các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện khác (Bóng đèn led...)....

- Công trình lưu giữ chất thải nguy hại, gồm: Chất thải nguy hại được chứa vào 3 thùng nhựa 60 L có nắp đậy, 01 thùng chứa 10 L có nắp đậy và được dán nhãn phân loại theo mã chất thải nguy hại. Sau đó các thùng này được lưu chứa trong kho chứa chất thải nguy hại. Kho chứa chất thải nguy hại có diện tích diện tích 5 m² (dài 2,5 m x rộng 2 m), kết cấu: nền bê tông chống thấm, tường bao xung quanh bằng gạch, mái tôn, có gờ chống tràn tại cửa kho. Kho được xây dựng đảm bảo theo quy định của Thông tư số 02/2022-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Chất thải nguy hại được thu gom tập trung về kho lưu trữ chất thải nguy hại, sau chuyển giao cho Công ty TNHH thương mại và xây dựng An Sinh vận chuyển và xử lý định kỳ 01 lần/năm, số hợp đồng số 71-NT/HĐ-ASNTB/2024 ngày 26/8/2024.

- Theo thống kê thực tế tại cơ sở, khối lượng chất thải nguy hại phát sinh:

Bảng 3-4: Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở

STT	Tên chất thải	Mã số CTNH	Trạng thái	Khối lượng (kg/năm)	
				Năm 2020	Năm 2024
I	Chất thải nguy hại				
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	Rắn	58	150
2	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện khác (Bóng đèn led...)	16 01 13	Rắn	-	142
3	Pin, ắc quy thải	16 01 12	Rắn	-	38
Tổng cộng				58	330

(Nguồn: Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn Ninh Chữ)

Ghi chú: Mã CTNH phân loại theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.



Hình 3-9: Kho lưu trữ chất thải nguy hại

3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

Để chống ồn cho khu vực xung quanh, Công ty đã thực hiện các biện pháp sau:

- Thiết kế các phòng chức năng như bar, nhà hàng, máy phát điện dự phòng với tường cách âm để đảm bảo độ ồn đạt quy định cho phép. Không hoạt động đốt lửa trại, vui chơi giải trí sau 10 giờ tối đến 8 giờ sáng hôm sau đúng theo quy định tại Nghị định 103/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009 của Chính phủ về việc ban hành quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng.

- Không cho phép sử dụng các máy móc, thiết bị có độ ồn cao làm ảnh hưởng đến môi trường sống của khu vực.

- Đối với tiếng ồn, độ ồn từ máy phát điện dự phòng và máy thổi khí của trạm XLNT được hạn chế bằng cách đặt trong phòng kín cách âm, gắn trên đế cao su, cách âm dưới đất.

3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở:

3.6.1. Phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải:

- * Giải pháp phòng ngừa sự cố môi trường do đường ống dẫn nước:

- Đường ống dẫn nước phải có đường cách ly an toàn.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống được ống dẫn đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn nhất.

- Không có bất kỳ các công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước.

- * Trong quá trình hoạt động, Công ty thực hiện các nội dung sau cho XLNT:

- Thường xuyên theo dõi hoạt động, bảo dưỡng định kỳ của các máy móc, tình trạng hoạt động của các bể để có biện pháp khắc phục kịp thời.

- Luôn dự trữ các thiết bị có nguy cơ hỏng cao như: máy bơm, phao, van, thiết bị sục khí,...để kịp thời thay thế khi hỏng hóc.

- Các hóa chất sử dụng phải tuân theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

3.6.2. Phòng chống cháy nổ:

Nhằm hạn chế các rủi ro về phòng chống cháy nổ, trong quá trình hoạt động của cơ sở. Cơ sở đã đang và sẽ thực hiện các biện pháp phòng chống cháy nổ như:

- Chủ cơ sở đã trang bị hệ thống phòng cháy chữa cháy đạt tiêu chuẩn quy định của cơ quan PCCC như: hệ thống báo cháy tự động, trang bị hệ thống chữa cháy vách tường, ngoài ra còn trang bị thêm bình chữa cháy xách tay tại các sảnh hành lang chung và khu vực sản xuất. Các thiết bị PCCC để nơi dễ nhìn thấy và dễ lấy;

- Duy trì hệ thống đường đảm bảo cho xe cứu hỏa ra vào thuận tiện, đảm bảo tia nước phun từ vòi phun của xe cứu hỏa có thể phun đến bất kỳ vị trí nào của phân xưởng phát sinh lửa;

- Thành lập đội PCCC của công ty, được huấn luyện nghiệp vụ để xử lý nhanh khi có báo động, đồng thời phối hợp với Công an PCCC để xử lý khi có sự cố.

- Ngoài ra:

+ Đối với nhân viên làm việc trong khu vực dễ cháy và văn phòng không được hút thuốc;

+ Đối với loại nhiên liệu dễ cháy phải được bảo quản nơi thoáng mát, cất chứa xa các nguồn dễ gây cháy nổ, có khoảng cách hợp lý để ngăn chặn sự chảy tràn lan khi có sự cố. Khu vực lưu trữ niêm yết rõ và không có chướng ngại vật. Định kỳ kiểm tra các dụng cụ chứa, lưu lượng lưu trữ phải có giới hạn;

+ Thường xuyên kiểm tra, bảo trì máy móc thiết bị, giám sát các thông số kỹ thuật. Tại các khu vực có nguy cơ xảy ra cháy nổ cần gắn bảng hiệu lệnh PCCC, thiết lập các hệ thống báo cháy, đèn hiệu. Các phương tiện chữa cháy sẽ được kiểm tra thường xuyên và luôn trong tình trạng sẵn sàng;

+ Thường xuyên kiểm tra hệ thống điện tránh sự quá tải trên đường dây và hiện tượng chập điện xảy ra. Thường xuyên kiểm tra các hệ thống gió và điều hòa không khí;

+ Lắp đặt hệ thống chống sét tại các điểm cao nhất của các khối nhà như nóc nhà;

+ Phối hợp với cảnh sát PCCC tổ chức huấn luyện, tuyên truyền, hướng dẫn về PCCC định kỳ cho nhân viên.

3.6.3. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố thang máy:

- Vận hành và bảo trì thang máy thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp.

- Phải có đội kỹ thuật bảo trì sửa chữa hoạt động thang máy thường xuyên tại khu nhà, nhằm đảm bảo an toàn, kịp thời khi có sự cố về thang máy xảy ra. Thường xuyên bảo trì hệ thống nhằm đảm bảo an toàn.

- Khi gặp sự cố thực hiện các bước sau:

+ Thử nút mở cửa.

+ Sử dụng các thiết bị cứu hộ trong thang máy.

+ Liên lạc với người bên ngoài.

3.6.4. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố tai nạn khách du lịch:

- Công ty sẽ quan tâm hơn đến an toàn, an ninh cho du khách. Có phương án phòng chống thiên tai, hỏa hoạn và các sự cố môi trường khác, giảm tới mức thấp nhất hậu quả. Các khu lưu trú, ăn uống và vui chơi giải trí phải chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về an toàn, vệ sinh, phòng chống cháy nổ và phòng ngừa tai nạn, tệ nạn xã hội, đảm bảo cho du khách được hưởng chất lượng dịch vụ tốt nhất.

- Resort có một đội ngũ cứu hộ chuyên nghiệp thường xuyên giám sát, hướng dẫn khách ở khu vực bãi tắm biển, hồ bơi. Tổ chức tập huấn ngắn về kỹ năng phòng chống đuối nước vào chương trình lưu trú cho du khách tại resort của mình.

3.6.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố tai nạn khách du lịch:

Để đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, Công ty luôn tuân thủ các nguyên tắc sau:

- Có hợp đồng về nguồn cung cấp nguyên liệu thực phẩm an toàn và thực hiện đầy đủ chế độ kiểm thực 3 bước.

- Bảo đảm đầy đủ các điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm về cơ sở, trang thiết bị dụng cụ và thực hiện nguyên tắc bếp một chiều.

- Nhân viên phục vụ phải được khám sức khỏe, cấy phân định kỳ ít nhất 1 năm 1 lần; có Giấy chứng nhận tập huấn kiến thức về vệ sinh an toàn thực phẩm và bảo đảm thực hành tốt vệ sinh cá nhân.

- Phòng ăn, bàn ghế phải được thường xuyên giữ gìn sạch sẽ, có đủ nhà vệ sinh và bồn rửa tay, có tủ lưu nghiệm thức ăn 24 giờ.

- Nơi trưng bày thức ăn để bán hoặc để khách tự chọn phải bảo đảm chống được ruồi, tránh được hơi thở, nước bọt của khách và phải có dụng cụ để khách kẹp, gấp, xúc thức ăn.

3.7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định bản Đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường:

Cơ sở đã được Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường tại Phiếu xác nhận số 44/PXN-STNMT ngày 07/8/2006. Tuy nhiên, trong hoạt động thực tế có sai khác so với nội dung tại Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường. Cụ thể như sau:

Bảng 3-5: Các nội dung thay đổi so với bản Đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường.

STT	Nội dung	Nội dung theo bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường đã phê duyệt	Nội dung thực hiện hiện nay	Đánh giá tác động từ việc thay đổi
1	Khách sạn	102 phòng	114 phòng	<p>Lý do tăng: Năm 2019, cải tạo công năng phòng ăn VIP và khu vệ sinh không sử dụng của khối A3 thành 03 phòng nghỉ; cải tạo khu trưng bày và bán hàng lưu niệm không sử dụng của khối A4 thành 09 phòng nghỉ. Mục đích đảm bảo phòng phục vụ lượng khách vào mùa cao điểm.</p> <p>- Việc tăng số lượng phòng sẽ tăng phát sinh nước thải sinh hoạt, rác thải sinh hoạt, CTNH tuy nhiên Công ty có biện pháp:</p> <p>+ Đối với nước thải sinh hoạt: thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường thể hiện qua giám sát MT định kỳ...</p> <p>+ Đối với rác thải sinh hoạt được thu gom triệt để và chuyển cho Công ty TNHH - XD – TM - SX Nam Thành vận chuyển.</p> <p>+ Đối với CTNH được thu gom triệt để và chuyển cho Công ty TNHH thương mại và xây dựng An Sinh vận chuyển.</p> <p>→ Với biện pháp trên không gây tác động xấu đến môi trường trong quá trình hoạt động đến nay.</p>
2	Bể gom (hố đặt song chắn rác)	Kích thước: (1,5 x 1 x 2) m	Kích thước: (1,5 x 1 x 2,14) m	- Tăng dung tích bể gom, đảm bảo lưu chứa nước thải đầu vào.
3	Bể tách dầu mỡ	Kích thước: (1,7 x 1 x 2) m	Kích thước: (1 x 0,6 x 1,2) m	-Giảm dung tích bể tách dầu mỡ, nhưng đảm bảo xử lý nước thải.
4	Bể chứa nước thải sau xử lý	Kích thước: (3 x 3 x 3) m	Kích thước: (3 x 3 x 1) m	- Giảm dung tích bể chứa, nhưng vẫn đủ đảm bảo lưu chứa nước thải sau xử lý. Vì lượng nước sau xử lý được tận dụng trong phạm vi dự án

CHƯƠNG IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải sinh hoạt:

4.1.1. Nguồn phát sinh:

Dự án có 03 nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn 1: Nước thải phát sinh từ nhà hàng.
- Nguồn 2: Nước thải phát sinh từ phòng nghỉ khách sạn, phòng tắm, massage....
- Nguồn 3: Nước thải phát sinh từ tắm giặt, nước rửa lọc hồ bơi.

4.1.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa:

Công suất tối đa của Hệ thống XLNT tập trung của cơ sở là 100 m³/ngày, tương đương 4,17 m³/giờ.

4.1.3. Dòng nước thải:

Nước thải phát sinh từ nhà hàng, phát sinh từ tắm giặt, nước rửa lọc hồ bơi và phát sinh từ phòng nghỉ khách sạn, phòng tắm, massage.... được nhập chung về thành 01 dòng thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở. Nước thải sau xử lý đạt cột A, QCVN 14: 2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt và chảy vào chung 01 bể chứa nước thải sau xử lý (chống thấm) dung tích 9 m³ được tận dụng nước thải sau xử lý trong phạm vi của cơ sở.

4.1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:

Chất lượng nước thải sau khi xử lý cho phép không vượt quá giá trị cột B, QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt trước khi xả vào bể chứa nước thải, với hệ số K = 1, cụ thể như sau:

Bảng 4-1 : Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn
01	pH	-	5-9
02	BOD ₅ ở 20 ⁰ C	mg/L	50
03	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	100
04	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	1.000
05	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/L	4
06	Amoni (tính theo N)	mg/L	10
07	Nitrat (tính theo N)	mg/L	50

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn
08	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	20
09	Phosphat (tính theo P)	mg/L	10
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/L	10
11	Coliforms	MPN/100ml	5.000

4.1.5. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:

- Vị trí tiếp nhận nước thải: Nước thải sau xử lý được lưu vào 01 bể chứa dung tích 9 m³, được sử dụng trong phạm vi của cơ sở.
- Tọa độ bể chứa: X = 1281828; Y = 0585735 (Hệ VN 2000, kinh tuyến trực 108°15', múi chiều 3°).
- Phương thức xả nước thải: Tự chảy.
- Chế độ xả nước thải: liên tục 24 giờ/ngày đêm.
- Nguồn tiếp nhận nước thải: Tại bể chứa sau xử lý. Nước thải sinh hoạt sau xử lý được tận dụng trong phạm vi của cơ sở.

CHƯƠNG V

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Theo nội dung chương trình giám sát môi trường của Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường đã được Sở Tài nguyên và môi trường xác nhận tại Phiếu xác nhận số 44/PXN-STNMT ngày 07/8/2006, trong giai đoạn vận hành Cơ sở chỉ thực hiện quan trắc nước thải định kỳ với tần suất 02 lần/năm, kết quả quan trắc từ năm 2022 đến tháng 8/2024 như sau:

- Vị trí quan trắc:

Stt	Vị trí lấy mẫu	Tọa độ (VN 2000)	Ký hiệu
01	Đầu vào hệ thống xử lý nước thải	x = 1281804; y = 0585738	NT-SGNC01
02	Đầu ra hệ thống xử lý nước thải	x = 1281828; y = 0585735	NT-SGNC02

- Tần suất quan trắc: 02 lần/năm.

- Kết quả phân tích:

STT	Kết quả phân tích	Vị trí lấy mẫu	Thông số					
			pH	Chất rắn lơ lửng mg/L	BOD ₅ (20°C) mg/L	Tổng Photpho mg/L	Nitrat (tính theo N) mg/L	Coliform MPN/100mL
1	09/03/2022	NT-SGNC01	6,6	280	159,3	6,62	0,06	2.400.000
2		NT-SGNC02	6,7	13	21,2	0,98	0,11	4.600
3	2/12/2022	NT-SGNC01	7,1	277,1	66,2	0,33	1,08	46.000
4		NT-SGNC02	7,2	7,5	17	0,27	1,92	2.400
5	26/06/2023	NT-SGNC01	5,9	96,7	168,9	2,27	0,91	240.000
6		NT-SGNC02	7,2	9,0	23,2	2,63	0,20	2.300
7	25/12/2023	NT-SGNC01	7,1	277,1	66,2	0,33	1,08	46.000
8		NT-SGNC02	7,2	7,5	17	0,27	1,92	2.400
9	09/8/2024	NT-SGNC01	7,3	92	204	9,84	0,15	24.000
10		NT-SGNC02	7,3	32	39,5	0,38	0,10	2.400
QCVN 14:2008/BTNMT, cột B			5 - 9	100	50	10	50	5.000

Ghi chú: Quy chuẩn so sánh cột B, QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

Nhận xét: Qua bảng kết quả phân tích cho thấy nước thải sinh hoạt sau xử lý của cơ sở có hầu hết tất cả các thông số đều đạt cột B, QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt.



Hình 5-1: Vị trí lấy mẫu nước thải của cơ sở.

CHƯƠNG VI

CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cơ sở:

Theo khoản 6 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-BTNMT ngày 10/01/2022 và khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì Cơ sở Khách sạn Sài Gòn – Ninh Chữ, Thị trấn Khánh Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận của Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn - Ninh Chữ không thuộc đối tượng quy định tại Cột 3 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Do đó, thời gian vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải sinh hoạt do chủ đầu tư quyết định, tự chịu trách nhiệm nhưng không quá 06 tháng và việc quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án là quan trắc 06 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm và kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của công trình xử lý nước thải sinh hoạt như sau:

6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm:

Bảng 6-1: Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải

STT	Công trình xử lý chất thải	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Công suất dự kiến đạt được
01	01 Hệ thống xử lý nước thải	01/12/2024	30/12/2024	100%

6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của công trình, thiết bị xử lý chất thải:

- Thời gian dự kiến lấy mẫu:

Bảng 6-2: Thời gian dự kiến lấy mẫu

STT	Công trình xử lý chất thải	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Ghi chú
01	01 Hệ thống xử lý nước thải	18/12/2024	20/12/2024	Quan trắc 01 mẫu đơn nước thải đầu vào HTXLNT tập trung vào ngày đầu tiên lấy mẫu; 03 mẫu đơn nước thải đầu ra tại bể chứa nước thải sau xử lý trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định.

- Kế hoạch đo đạc, lấy mẫu và phân tích mẫu:

Bảng 6-3: Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu

Stt	Vị trí	Thông số đánh giá	Số lượng mẫu	Thời gian
Hệ thống XLNT tập trung 100 m³/ngày.				
01	Nước thải đầu vào tại bể gom của HTXLNT tập trung	pH; BOD ₅ (20°C); Tổng chất rắn hòa tan (TDS); Tổng chất rắn lơ lửng (TSS); Amoni (tính theo N); Nitrat (tính theo N); Photphat (PO ₄ ³⁻ tính theo P); Sunfua (tính theo H ₂ S); Dầu mỡ động thực vật; Tổng các chất hoạt động bề mặt; Coliform.	01	18/12/2024
02	Nước thải đầu ra tại bể chứa nước thải sau xử lý (01 mẫu/ngày)		03	18/12/2024 19/12/2024 20/12/2024

- Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch: Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường Ninh Thuận.

6.2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định pháp luật:

- Quan trắc nước thải: Lưu lượng nước thải sinh hoạt của Nhà máy khoảng 4,17 m³/ngày.đêm. Theo quy định tại khoản 2 Điều 97 và phụ lục XXVIII, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 thì Nhà máy không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải định kỳ; tự động, liên tục.

- Quan trắc chất thải rắn công nghiệp thông thường: khối lượng, chủng loại. Tại vị trí khu tập trung chất thải rắn thông thường, tần suất: thường xuyên.

- Quan trắc chất thải nguy hại: khối lượng, chủng loại (qua sổ nhật ký theo dõi). Tại vị trí kho chứa chất thải rắn nguy hại, tần suất thường xuyên.

- Chế độ báo cáo: báo cáo kết quả thực hiện công tác bảo vệ môi trường gửi đến Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Ninh Hải, UBND huyện Ninh Hải theo quy định.

CHƯƠNG VII

KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Trong 02 năm gần nhất trước thời điểm lập báo cáo, Cơ sở đã được Đoàn kiểm tra của Chi cục Bảo vệ môi trường thực hiện kiểm tra, giám sát và hướng dẫn công tác bảo vệ môi trường vào ngày 19/8/2022.

Nội dung yêu cầu của đoàn kiểm tra:

Để đảm bảo công tác bảo vệ môi trường tại khách sạn được thực hiện đúng theo Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường được xác nhận và các quy định hiện hành của Luật Bảo vệ môi trường, Đoàn kiểm tra hướng dẫn và đề nghị Công ty thực hiện các nội dung công việc sau:

- Duy trì việc thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, vận hành các công trình xử lý chất thải theo Bản đăng ký đạt tiêu môi trường được Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận.

- Có báo cáo giải trình về tình hình sử dụng nước cấp tại Khách sạn, nhất là vào các tháng cao điểm (tháng hè) chậm nhất là 26/8/2022.

- Tiếp tục duy trì công tác vệ sinh môi trường trong và xung quanh khách sạn đáp ứng yêu cầu về xanh-sạch-đẹp. Quan tâm, hưởng ứng đồng hành với địa phương trong công tác bảo vệ môi trường.

- Bố trí đảm bảo nguồn lực, trang thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường.

- Khuyến khích, nghiên cứu sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường để hạn chế việc thải bỏ chất thải nhựa.

- Lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường (theo mẫu tại Phụ lục X Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường (thông qua Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ số: 44 đường 16/4 thành phố Phan Rang - Tháp Chàm) để được cấp giấy phép môi trường theo quy định. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp giấy phép môi trường được quy định cụ thể tại Điều 43 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm của Dự án (kỳ báo cáo tính từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12) gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân huyện Ninh Hải trước ngày 05 tháng 01 của năm tiếp theo theo quy định tại Điều 66 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường) và thực hiện việc lưu giữ các tài liệu liên quan đến báo cáo tại cơ sở để cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối chiếu khi thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra. Báo cáo được lập theo mẫu số 05.A Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

- Xây dựng, phê duyệt, tổ chức thực hiện Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường tại cơ sở mình theo quy định tại Khoản 1 Điều 124 của Luật Bảo vệ môi trường (các nội dung của Kế hoạch được nêu cụ thể tại Khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP); công khai Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường của cơ sở mình, gửi kế hoạch ứng phó sự cố môi trường tới Ủy ban nhân dân cấp xã và Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp huyện theo quy định tại Khoản 3 Điều 110 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; tổ chức diễn tập ứng phó sự cố môi trường đã được phê duyệt với tần suất ít nhất 02 năm /lần, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác theo quy định tại Khoản 7 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường.

CHƯƠNG VIII

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Xuất phát từ việc nhận thức rằng, các biện pháp giảm thiểu các tác động của Cơ sở tới môi trường đã nêu trong Báo cáo đề xuất này là hoàn toàn khả thi và đảm bảo đầy đủ các quy chuẩn môi trường Việt Nam đã ban hành, cũng như từ việc nhận thức rõ trách nhiệm của mình trong nhiệm vụ bảo vệ môi trường tại khu vực, Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn - Ninh Chữ cam kết:

- Cam kết về tính chính xác, trung thực của các thông tin, số liệu tại Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

- Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.

- Đầu tư đầy đủ kinh phí cho công tác bảo vệ môi trường.

- Thực hiện nghiêm chỉnh các biện pháp giảm thiểu các tác động xấu và các phương án phòng ngừa, ứng cứu sự cố môi trường đã nêu trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép bảo vệ môi trường nhằm đảm bảo đạt hoàn toàn quy chuẩn môi trường Việt Nam theo quy định, gồm:

- + Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước thải sinh hoạt;

- + Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do chất thải rắn, chất thải nguy hại.

- Công ty cam kết nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của: Luật Bảo vệ môi trường; Các văn bản pháp lý khác của Trung ương và địa phương đã ban hành về bảo vệ môi trường có liên quan đến quá trình hoạt động của cơ sở.